

**CÔNG TY TNHH DEVIHOMES**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DEVIHOMES

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DEVIHOMES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DEVIHOMES CO., LTD

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703201763

**3. Ngày thành lập:** 09/04/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 14D4 KDC Hiệp Thành 1, Phường Hiệp Thành, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0943 036990

Fax:

Email: [devihomesvietnam@gmail.com](mailto:devihomesvietnam@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                   | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: Thang máy, thang cuốn; Cửa cuốn, cửa tự động; Dây dẫn chống sét; Hệ thống hút bụi; Hệ thống âm thanh; Hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung; | 4329     |
| 2.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                              | 4330     |
| 3.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống                                                                                                                      | 4620     |
| 4.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                                          | 4649     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                      | 4653     |
| 6.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                             | 4659     |
| 7.  | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                                                | 4661     |
| 8.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                                         | 4662     |
| 9.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn đồ ngũ kim            | 4663     |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Mua bán các sản phẩm từ gỗ, nội thất bằng gỗ; Mua bán linh kiện, phụ kiện ngành gỗ.                                          | 4669     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 11. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Tư vấn thiết kế nội, ngoại thất; Tư vấn xây dựng (trừ khảo sát xây dựng); Thiết kế kiến trúc công trình; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị; Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cầu đường, bờ kè, cảng biển; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thẩm tra thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Hoạt động đo đạc bản đồ; Hoạt động đo đạc trắc địa, đo đạc bằng máy thủy bình; đo đạc xây dựng. | 7110        |
| 12. | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7120        |
| 13. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội ngoại thất                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 7410        |
| 14. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4690        |
| 15. | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1610        |
| 16. | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1621        |
| 17. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1622        |
| 18. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1623        |
| 19. | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 1629(Chính) |
| 20. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2022        |
| 21. | Sản xuất các cấu kiện kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2511        |
| 22. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 2591        |
| 23. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 2592        |
| 24. | Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2599        |
| 25. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4933        |
| 26. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 5224        |
| 27. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4101        |
| 28. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4759        |

**6. Vốn điều lệ:** 2.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: **VÕ PHÚC NGUYỄN**

Giới tính: **Nam**

Sinh ngày: **06/09/1990** Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **074090004223**

Ngày cấp: **06/09/2021** Nơi cấp: **Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **A12/15 Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **A12/15 Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: **VÕ PHÚC NGUYỄN**

Giới tính: **Nam**

Chức danh: **Chủ tịch công ty kiêm giám đốc**

Sinh ngày: **06/09/1990** Dân tộc: **Kinh**

Quốc tịch: **Việt Nam**

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: **Thẻ căn cước công dân**

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: **074090004223**

Ngày cấp: **06/09/2021** Nơi cấp: **Cục trưởng cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội**

Địa chỉ thường trú: **A12/15 Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

Địa chỉ liên lạc: **A12/15 Bình Thuận 2, Phường Thuận Giao, Thành phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam**

9. Nơi đăng ký: **Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương**